

Bản án số: **185/2021/HNGĐ- ST**

Ngày: 09/12/2021

V/v *Tranh chấp hôn nhân và gia đình*;

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỐC OAI

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Duy Trí
- Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Đức và bà Nguyễn Thị Hoa.
- Thư ký phiên toà: Nguyễn Thị Thu – Thẩm tra viên chính Toà án nhân dân huyện Quốc Oai;
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quốc Oai tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Cúc - Kiểm sát viên.

Ngày 09/12/2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Quốc Oai xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 135/2021/TLST-HNGĐ, ngày 16/6/2021 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2021/QĐST-HNGĐ ngày 09/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện Quốc Oai; Căn cứ Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2021/QĐST-HNGĐ ngày 21/7/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2021/QĐST-HNGĐ ngày 04/8/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Vũ Thị B**, sinh năm 1989, HKTT và nơi ở: Thôn TL, xã ĐT, huyện QO, thành phố Hà Nội. (Có mặt).

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Minh H**, sinh năm 1987, HKTT và nơi ở: Thôn TL, xã ĐT, huyện QO, thành phố Hà Nội. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Về phía nguyên đơn:** Trong đơn khởi kiện ngày 07/01/2021 và các bản khai chị B trình bày: Tôi kết hôn cùng với anh H (địa chỉ như trên) vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐT, huyện QO, thành phố Hà Nội ngày 15/10/2010, trên cơ sở tự nguyện và không bị ép buộc.

Sau khi kết hôn vợ chồng ở chung cùng gia đình nhà chồng (Thôn TL, xã ĐT, huyện QO). Nghề nghiệp của vợ chồng và gia đình: Điều lao động tự do. Thời gian ở chung cùng gia đình không phát triển được tài sản gì mà chỉ đủ ăn.

Quá trình chung sống: Chúng tôi hòa thuận hạnh phúc được khoảng 01 năm đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính do tính tình không hợp dẫn đến vợ chồng hay bất đồng về quan điểm sống, không có tiếng nói chung, không tin tưởng lẫn nhau và thường xuyên mâu thuẫn (anh H thì mãi chơi ít quan tâm đến gia đình). Vợ chồng tình cảm lạnh nhạt với nhau khoảng 03 năm nay, hiện tại tôi thuê nhà ở để làm ăn (MT, Hà Nội). Vợ chồng cắt đứt mọi liên hệ khoảng 07 tháng nay. Việc mâu thuẫn của vợ chồng hai bên gia đình đều biết, có can thiệp nhiều lần nhưng không đạt kết quả.

Nay tôi xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên tha thiết xin ly hôn để ổn định công việc làm ăn và nuôi dạy con cái.

Về tài sản chung, công sức, công nợ của vợ chồng: Tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Khánh P, sinh 15/5/2011; Nguyễn Hương T, sinh 01/12/2016. Ly hôn tôi xin nuôi cả 02 con, trường hợp anh H không đồng ý thì tôi xin nuôi 01 con (cháu Hương T). Vấn đề cấp dưỡng nuôi con tôi nuôi cả 02 con thì đề nghị anh H có trách nhiệm, còn tôi nuôi 01 con thì không đề nghị.

Về chỗ ở, ở nếu được nuôi con thì tôi và các con chuyển về nhà đẻ (TN, Nam Định) để ở và làm ăn tại đó cho tiện việc chăm sóc các con.

Về thu nhập hiện tại của tôi là 6 -7 triệu/tháng (bán hàng thuê tự do).

Do tình cảm vợ chồng không còn, tôi từ chối hòa giải vì quá trình vợ chồng chúng tôi chung sống và ly thân chúng tôi và gia đình cũng đã xác định được về mối quan hệ hôn nhân này sẽ không thể kéo dài vì nhiều năm nay vợ chồng cũng đã nói chuyện, hứa hẹn nhưng không đem lại kết quả gì mà chỉ gây căng thẳng ức chế cho nhau. Lý do, chồng tôi và gia đình mặc dù biết tình cảm vợ chồng chúng tôi không còn và tôi cũng đã nhiều lần có quan điểm dứt khoát trước gia đình và chồng tôi nhưng vẫn không đồng ý cho chúng tôi ly hôn, nguyên nhân chính là do là vì gia đình chồng tôi đi theo đạo Công giáo (vợ chồng bỏ nhau mà sau này đi lấy người khác là có tội) do vậy, tôi rất mong Tòa án nhân dân huyện Quốc Oai sớm đưa vụ án ra xét xử và không hòa giải nhiều lần.

***Bị đơn trình bày:** Tại bản lấy lời khai ngày 17/6/2021 anh H cho rằng việc kết hôn và đăng ký kết hôn của vợ chồng như chị B khai là đúng. Nay chị B có đơn xin ly hôn, anh xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn bình thường và hòa thuận hạnh phúc, cho đến tháng 12/2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính tôi không hiểu lý do gì mà vợ tôi tự bỏ đi (bản thân tôi trước đây có chơi bời, tôi thừa nhận cũng ít quan tâm đến gia đình và vợ con). Vợ chồng không có mối liên hệ gì về tình cảm 07 tháng nay. Việc mâu thuẫn của vợ chồng hai bên gia đình đều biết có can thiệp nhưng không đạt kết quả.

Nay cô B có đơn xin ly hôn tôi xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn nên tha thiết xin được đoàn tụ để cùng nuôi dạy con chung.

Về tài sản chung, công sức, công nợ của vợ chồng: Tôi xin đoàn tụ nên không đề nghị giải quyết.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Khánh P, sinh 15/5/2011; Nguyễn Hương T, sinh 01/12/2016. Tôi xin đoàn tụ nên không đề nghị giải quyết. Trường hợp cô B cương quyết xin ly hôn thì tôi xin nuôi cả 02 con. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con tôi đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về thu nhập hiện tại của tôi là 15 triệu/tháng (thợ xây dựng).

Do tình cảm vợ chồng vẫn còn, nên tôi tha thiết xin được đoàn tụ và xin có thời gian để gia đình tổ chức hòa giải cho vợ chồng về đoàn tụ.

Tại phiên tòa hôm nay chị B cho rằng: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án giải quyết việc ly hôn của vợ chồng, mặc dù anh H và gia đình xin đoàn tụ và đã gọi tôi về hòa giải và nói chuyện nhưng không đạt kết quả là vì về tình cảm giữa tôi và anh H không còn, vợ chồng ly thân nhiều tháng nay, thực tế vợ chồng không còn tin tưởng và không còn tôn trọng lẫn nhau. Lý do gia đình anh H có gọi điện trao đổi với bố, mẹ để tôi về chuyện của vợ chồng nhưng bố, mẹ để tôi không can thiệp vì cho rằng chúng chúng tôi đã trưởng thành, tự quyết định đến với nhau nay phải tự quyết định hạnh phúc của chính mình và qua hơn 10 năm vợ chồng chung sống anh H chưa một lần nào chủ động ngày tết, ngày giỗ về nhà ngoại và quan tâm đến bố, mẹ tôi và gia đình theo đúng nghĩa là con rể. Nay tôi xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên tha thiết xin được ly hôn.

Về phía anh H có đơn xin nguyện vọng ngày 06/12/2021, xin đoàn tụ và cho rằng không bao giờ anh bỏ vợ và muốn tha thứ cho sự phản bội của cô B, vì tình yêu thương của anh đối với vợ, lớn hơn lòng ghen ghét hận thù đối với anh và sẵn sàng tha thứ trước sự phản bội của cô B, nhưng không đưa ra được giải pháp nào mà chỉ xin có thời gian và không tham gia phiên tòa theo quy định.

Về phía con chung (tại bản khai 02/7/2021) cháu Nguyễn Khánh P, sinh năm 2011, cho rằng: Mong muốn bố, mẹ đoàn tụ. Trường hợp bố, mẹ ly hôn cháu xin được ở với bố và ông bà nội.

Về phía đại diện gia đình anh H là ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị T gửi đơn đề nghị cho rằng: Sau khi cô B nói chuyện về việc vợ chồng chia tay vào ngày 11/01/2021, gia đình cùng họ hàng họp lại để bàn hòa giải cho vợ chồng H, B về đoàn tụ và có trao đổi qua điện thoại với gia đình thông gia nhưng không đạt kết quả. Lý do, gia đình thông gia cho rằng gọi khuyên bảo cô B không nghe máy và vẫn giữ quan điểm ly hôn. Gia đình chỉ mong rằng cô B tỉnh lại mà quay về để vợ chồng đoàn tụ cùng nuôi dạy con chung. Bà T do chống dịch bệnh và xin có thêm thời gian để hai bên gia đình gặp nhau để khuyên bảo cho các cháu về đoàn tụ nhưng lại xin

vắng mặt tại phiên tòa.

Về phía đại diện gia đình chị B là bà Nguyễn Thị Th có đơn đề nghị cho rằng: Thời gian gần đây gia đình có nhận được thông tin từ gia đình cháu H phản ánh các cháu có mâu thuẫn và ly thân nhiều tháng nay, tôi có hỏi cháu B thì cháu cũng nói qua về mâu thuẫn của các cháu và có làm đơn xin ly hôn ra tòa, gia đình tôi và gia đình thông gia thì không có mâu thuẫn gì. Nay Tòa án nhân dân huyện Quốc Oai giải quyết và xét xử vụ án, có xin ý kiến đại diện gia đình chúng tôi để hòa giải nhưng chúng tôi xác định do các cháu đã trưởng thành, lấy nhau là tự nguyện, gia đình không ép buộc, gia đình vẫn thương yêu các con, cháu nhưng các cháu sống không có hạnh phúc mà cháu B xin ly hôn cháu H ra Tòa, gia đình cũng khuyên bảo cháu B nhiều lần nhưng cháu vẫn mong muốn được ly hôn. Thay mặt gia đình chúng tôi chỉ biết đề nghị Tòa hòa giải cho các cháu được đoàn tụ, nếu cháu B cương quyết xin ly hôn thì cũng đề nghị Tòa cho các cháu được ly hôn theo quy định của pháp luật.

***Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa có quan điểm:**

Về Tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý tới thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật TTDS trong quá trình giải quyết vụ án Hôn nhân và gia đình. Thẩm phán đã thực hiện việc thụ lý vụ kiện đúng thẩm quyền, tiến hành cấp tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự và Viện Kiểm Sát theo quy định tại Điều 195, 196 BLTTDS, xác định tư cách của người tham gia tố tụng đầy đủ theo Điều 68 BL TTDS, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp đúng, tiến hành thu thập các tài liệu chứng cứ, lấy lời khai của nguyên đơn và bị đơn, tiến hành xác minh thu thập chứng cứ và các tài liệu khác làm căn cứ giải quyết vụ án. Thời hạn gửi hồ sơ cho VKS để nghiên cứu tham gia phiên tòa Đúng theo quy định tại Điều 220 BLTTDS.

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án;

Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật TTDS.

Về quan điểm về nội vụ án: Nhận thấy chị B và anh H đã ly thân nhiều tháng nay, về tình cảm gia đình và Tòa án hòa giải nhiều lần nhưng không đạt kết quả cho thấy mâu thuẫn hôn nhân giữa anh H và chị B đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu ly hôn của chị B là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Khánh P, sinh 15/5/2011; Nguyễn Hương T, sinh 01/12/2016 (Hiện đang ở với anh H). Ly hôn cả anh H và chị B đều xin được nuôi cả 02 con và các bên đều đưa ra các điều kiện về thu nhập, chỗ ở để bảo vệ cho quan điểm được nuôi con. Để bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của người mẹ, của con chung chưa thành niên sau khi ly hôn. Đề nghị

Hội đồng xét xử giao con Nguyễn Khánh P cho anh H, giao con Nguyễn Hương T cho chị B được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc cho đến khi có quyết định thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn: không đặt ra giải quyết,

Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Do các bên không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

Đề xuất: Áp dụng khoản 1 Điều 28; Điểm a, khoản 1, Điều 35; Điều 39; Điều 144; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 51; Điều 56; Điều 58, Điều 81; Điều 82 và 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Đề nghị xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị B, xử cho chị B ly hôn với anh H.

2. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Khánh P, sinh 15/5/2011; Nguyễn Hương T, sinh 01/12/2016. Giao con Nguyễn Khánh P cho anh H, giao con Nguyễn Hương T cho chị B được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc cho đến khi có quyết định thay đổi khác. Chị B, anh H có quyền đi lại, thăm hỏi và chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

3. Về cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn: Không đặt ra giải quyết,

4. Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Chị B phải chịu án phí theo quy định; anh H, chị B có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Minh H có hộ khẩu thường trú và nơi ở tại: Thôn TL, xã ĐT, huyện QO, thành phố Hà Nội nên việc chị B có đơn xin ly hôn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Quốc Oai giải quyết việc ly hôn là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và bị đơn đã được Tòa án giao, gửi và tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa có mặt chị B, vắng mặt anh H (nhưng có đơn xin nguyên vọng), căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Xét về quan hệ hôn nhân giữa chị B và anh H, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có sự tìm hiểu, không bị ép buộc và có đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐT,

huyện QO ngày 05/10/2010, trên cơ sở tự nguyện, có sự tìm hiểu, không bị ép buộc. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống theo chị Vũ Thị B thì vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được khoảng 01 năm đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính do tính tình không hợp dẫn đến vợ chồng hay bất đồng về quan điểm sống, không có tiếng nói chung, không tin tưởng lẫn nhau và thường xuyên mâu thuẫn (anh H thì mãi chơi ít quan tâm đến gia đình) việc mâu thuẫn của vợ chồng cũng đã nói chuyện, anh H hứa hẹn nhiều nhưng không đem lại kết quả gì mà chỉ gây căng thẳng ức chế cho nhau. Vợ chồng tình cảm lạnh nhạt với nhau khoảng 03 năm nay, hiện tại tôi ra ngoài làm thuê và thuê nhà để ở. Vợ chồng cắt đứt mọi liên hệ từ khi 01/2021 đến nay. Việc mâu thuẫn của vợ chồng hai bên gia đình đều biết, có can thiệp nhưng không đạt kết quả. Chị B cho rằng tình cảm của vợ chồng không còn, không tin tưởng và không tôn trọng nhau nhiều năm nay do vậy chị cương quyết xin được ly hôn và xin từ chối hòa giải đoàn tụ.

Về phía anh Nguyễn Minh H cũng thừa nhận trước đây cũng có nhiều khuyết điểm nhưng anh vẫn thương yêu vợ con và cho rằng không bao giờ anh bỏ vợ và muốn tha thứ cho sự phản bội của cô B, vì tình yêu thương của anh đối với vợ, lớn hơn lòng ghen ghét hận thù đối với anh và sẵn sàng tha thứ trước sự phản bội của cô B nhưng không đưa ra được căn cứ chứng minh hay giải pháp để hàn gắn vợ chồng ngoài gửi đơn xin đoàn tụ, xin thời gian nhưng lại vắng mặt tại phiên tòa.

Biên bản xác minh ngày 08/7/2021, tại UBND xã ĐT thể hiện: Về kết hôn và đăng ký kết hôn, con chung của chị B, anh H cung cấp là đúng. Về tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị B, anh H thể hiện: Quá trình 02 vợ chồng chung sống tại địa phương anh H không chịu khó làm ăn và cũng mãi chơi; có thông tin nợ lẫn bên ngoài dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng. Nay chị B có đơn xin ly hôn thì đề nghị Tòa hòa giải cho vợ chồng anh chị về đoàn tụ, về phía địa phương sẽ phối hợp cùng gia đình anh H để có giải pháp cụ thể để hàn gắn tình cảm của anh, chị. Trường hợp chị B cương quyết xin ly hôn thì đề nghị Tòa giải quyết theo quy định của pháp luật. Về nguyện vọng của chị B xin nuôi con cũng là chính đáng, vì anh chị có 02 con chung hiện đang ở với anh H từ khi vợ chồng ly thân nhưng đều do bố, mẹ để anh H đảm nhiệm. Về thu nhập trung bình tại địa phương là 250.000 – 300.000 đồng/người/ngày.

Quan điểm của ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị T (bố, mẹ đẻ anh H) cũng mong muốn cô B tỉnh lại mà quay về để vợ chồng đoàn tụ cùng nuôi dạy con chung và có đưa ra một số giải pháp như đã nêu trên; về phía đại diện gia đình chị B đề nghị vì vợ chồng anh H, chị B đã trưởng thành, nếu vợ chồng không về đoàn tụ thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn giữa chị B và anh H là trầm trọng, vợ chồng không còn hạnh phúc, hiện đã ly thân nhiều tháng nay về mặt tình cảm và sống, ăn ở riêng từ tháng 01/2021 cho đến nay. Hiện anh, chị không có mối liên hệ

gì về tình cảm cũng như công việc chung của hai bên gia đình; gia đình và anh H cũng đã hòa giải và đưa ra các giải pháp nhưng đều không đạt kết quả. Do vậy, xét thấy mục đích hôn nhân giữa anh H và chị B không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài nên áp dụng Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận đơn xin ly hôn của chị B và cần xử cho chị B được ly hôn anh H là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Khánh P, sinh 15/5/2011; Nguyễn Hương T, sinh 01/12/2016 (hiện đang ở với anh H). Ly hôn cả anh H và chị B đều xin được nuôi cả 02 con và các bên đều đưa ra các điều kiện về thu nhập, chỗ ở để bảo vệ cho quan điểm được nuôi con. Riêng chị B cho rằng nếu được nuôi 01 con thì chị xin nuôi cháu Nguyễn Hương T vì cháu còn nhỏ và cần sự chăm sóc của mẹ hơn và không đề nghị góp phí tốn nuôi con. Căn cứ vào mức thu nhập và tình hình thực tế của các bên, để bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của người mẹ, của con chung chưa thành niên sau khi ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy: Cần giao con Nguyễn Khánh P cho anh H, giao con Nguyễn Hương T cho chị B được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc cho đến khi có quyết định thay đổi khác. Anh H, chị B có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

Vấn đề góp phí tốn nuôi con chung: Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh H, chị B cho đến khi có yêu cầu hoặc cho đến khi có quyết định thay đổi khác.

Về tài sản chung, công sức, nợ chung của vợ chồng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Về án phí: Chị B phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật; các bên đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 58; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 144; Điều 147, Điều 227, Điều 228; Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Vũ Thị B đối với anh Nguyễn Minh H;

1. Về hôn nhân: Chị **Vũ Thị B** được ly hôn anh **Nguyễn Minh H**;
2. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Khánh P, sinh

15/5/2011; Nguyễn Hương T, sinh 01/12/2016. Giao con Nguyễn Khánh P cho anh H, giao con Nguyễn Hương T cho chị B được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc cho đến khi có quyết định thay đổi khác. Chị B, anh H có quyền đi lại, thăm hỏi và chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

3. Về góp phái tôn nuôi con: Tạm hoãn nghĩa vụ góp phái tôn nuôi con cho chị B và anh H cho đến khi có yêu cầu hoặc có quyết định thay đổi khác.

4. Về tài sản chung, công nợ chung của vợ chồng: Không đề nghị tòa giải quyết.

5. Về án phí: Chị Vũ Thị B phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000086 ngày 14/6/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện QO.

6. Về quyền kháng cáo: Chị B có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKS ND huyện Quốc Oai;
- THA DS huyện QO;
- UBND xã ĐT, H QO.
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Duy Trí